CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 42/GIG/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, B1.02, B1.20 và B1.15 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 54136151 Fax: (028) 54136155

E-mail: gigroup@gigroup.net

Mã số doanh nghiệp: 0315715918

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bằng Chứng nhận FSSC 22000 số 38162203002. Ngày Cấp: 15/03/2022, được Công ty TNHH Intertek Việt Nam cấp cho Công ty TNHH Kinh Lâm.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. **Tên sản phẩm:** ĐƯỜNG BẮP
2. **Thành phần:** Bắp (77 %), nước, chất chống oxi hóa (223).
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa PET, can nhựa, can nhựa HDPE…có hoặc không có thùng carton ngoài.
- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 500 g; 1 kg, 1,3 kg; 2 kg; 5 kg; 6 kg; 10 kg; 15 kg; 20 kg;… hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Đóng gói và chịu trách nhiệm đóng gói sản phẩm:

Công Ty TNHH Kinh Lâm

- Địa chỉ: Lô K.03, KCN Long Hậu, Đường Long Hậu, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ nguyên liệu:

- Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd.
- Địa chỉ: No. 1288, Chagannaoer South Street, Ningjiang District, Songyuan, Jilin Province, China 138000
- Xuất xứ: Trung Quốc (China).

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn chính hoặc nhãn phụ sản phẩm).*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0315715... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP
P.TÂN HƯNG - TP.HỒ CHÍ MINH

HỒ TẤN CƯỜNG

BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP	NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM ĐƯỜNG BẮP	SỐ TCB: 42/GIG/2026

1. Các chỉ tiêu an toàn thực phẩm

1.1. Các chỉ tiêu hóa lý theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất:

Thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Total solid (tính trên hàm lượng chất khô)	%	≥ 76,5
2	Fructose (tính trên hàm lượng chất khô)	%	≥ 55,0
3	Dextrose + Fructose (tính trên hàm lượng chất khô)	%	≥ 95,0
4	Sulfur dioxide	mg/kg	≤ 10

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất

Thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/10g	≤ 200
2	Tổng số nấm men	CFU/10g	≤ 10
3	Tổng số nấm mốc	CFU/10g	≤ 10

1.3. Các chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2
2	Asen (As)	mg/kg	≤ 1

3	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0,05

1.4. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Thứ tự	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 2
2	Aflatoxin B1+B2+G1+G2	µg/kg	≤ 4
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	≤ 750
5	Zearalenone	µg/kg	≤ 100
6	Fumonisin	µg/kg	≤ 1000

2. **Thành phần**: Bắp (77 %), nước, chất chống oxi hóa (223).
3. **Thời hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất
4. **Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- Nguyên liệu thực phẩm Đường Bắp là nguyên liệu được sử dụng rộng rãi trong chế biến thực phẩm và đồ uống.
- Hàm lượng sử dụng: Điều chỉnh tùy theo mục đích sử dụng.
- Điều kiện bảo quản: Sản phẩm được bảo quản trong bao bì đóng kín, nơi khô mát, thoáng khí, nhiệt độ khoảng 28 °C – 32 °C.

5. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa PET, can nhựa, can nhựa HDPE…có hoặc không có thùng carton ngoài.
- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 500 g; 1 kg, 1,3 kg; 2 kg; 5 kg; 6 kg; 10 kg; 15 kg; 20 kg;… hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

6. **Nội dung ghi nhãn** *(nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)*
7. **Chịu trách nhiệm về sản phẩm**

Đóng gói và chịu trách nhiệm đóng gói sản phẩm:

Công Ty TNHH Kinh Lâm

Địa chỉ: Lô K.03, KCN Long Hậu, Đường Long Hậu, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Chịu trách nhiệm về sản phẩm:

Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group.

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, B1.02, B1.20 và B1.15 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

8. **Xuất xứ nguyên liệu đóng gói**.

- Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd.
- Địa chỉ: No. 1288, Chagannaoer South Street, Ningjiang District, Songyuan, Jilin Province, China 138000.
- Xuất xứ: Trung Quốc (China).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0315718518 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP - P.TÂN HƯNG - TP. HỒ CHÍ MINH

HỒ TẤN CƯỜNG

M.S.D.N: 0315715918 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP
P. TÂN HƯNG - TP. HỒ CHÍ MINH

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

GL FOOD PREMIUM QUALITY

ĐƯỜNG BẮP

bí quyết cho đồ uống ngọt thanh!



GL FOOD PREMIUM QUALITY

ĐƯỜNG BẮP

từ bắp tươi tự nhiên!

Thành phần: Bắp (77 %), nước, chất chống oxi hóa (223).
Điều kiện bảo quản: Sản phẩm được bảo quản trong bao bì đóng kín, nơi khô mát, thoáng khí, nhiệt độ khoảng 28 °C - 32 °C.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống và chế biến các món ăn, làm bánh v.v...
Hàm lượng sử dụng: Tuỳ theo nhu cầu.
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
Số TCB: 42/GIG/2026.

BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	trên 100 g
Năng lượng	310 Kcal
Carbohydrat	77 g
Đường tổng số	76 g

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.
Ngày đóng gói: Xem trên bao bì.
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của:
CÔNG TY CP GLOBAL INGREDIENT GROUP
Tầng 1 và Tầng 2, B1.02, B1.20 và B1.15 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Đóng gói tại:
CÔNG TY TNHH KINH LÂM
Lô K.03, KCN Long Hậu, Đường Long Hậu, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại:
Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Địa chỉ: No. 1288, Chagannaoer South Street, Ningjiang District, Songyuan, Jilin Province, China 138000.
Xuất xứ: Trung Quốc.

8 936204 921211

Hotline: 1800 6922
Website: www.glofood.vn

Quy cách 1,3 kg

M.S.D.N: 0315715913 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP
P. TÂN HƯNG - TP. HỒ CHÍ MINH

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

GL FOOD®
PREMIUM QUALITY

ĐƯỜNG BẮP

bí quyết cho đồ uống ngọt thanh!

SẢN PHẨM KHUYÊN DÙNG CHO NGÀNH FOOD SERVICE

Thành phần: Bắp (77 %), nước, chất chống oxi hóa (223).
Điều kiện bảo quản: Sản phẩm được bảo quản trong bao bì đóng kín, nơi khô mát, thoáng khí, nhiệt độ khoảng 28 °C - 32 °C.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống và chế biến các món ăn, làm bánh v.v...
Hàm lượng sử dụng: Tuỳ theo nhu cầu.
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
Số TCB: 42/GIG/2026.
Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.
Ngày đóng gói: Xem trên bao bì.
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	trên 100 g
Năng lượng	310 Kcal
Carbohydrat	77 g
Đường tổng số	76 g

Sản phẩm của:
CÔNG TY CP GLOBAL INGREDIENT GROUP
Tầng 1 và Tầng 2, B1.02, B1.20 và B1.15 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Đóng gói tại:
CÔNG TY TNHH KINH LÂM
Lô K.03, KCN Long Hậu, Đường Long Hậu, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại:
Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Địa chỉ: No. 1288, Chagannaoer South Street, Ningjiang District, Songyuan, Jilin Province, China 138000.
Xuất xứ: Trung Quốc

8 936204 921204

Hotline: 1800 6922
Website: www.glofood.vn

KHỐI LƯỢNG TỊNH
6 kg

Quy cách 6 kg

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

VILAS 357

BN: 260601063

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP**
Client name : **GLOBAL INGREDIENT GROUP CORPORATION**
Địa chỉ : B1.02 và B1.20 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : B1.02 and B1.20, Sunrise Cityview Building, No. 33 Nguyen Huu Tho, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 260601063
Tên mẫu / Name of Sample : **Đường Bắp**
Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Xuất xứ: Trung Quốc (China)
Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group
Chiết rót và đóng gói tại: Công ty TNHH Kinh Lâm
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa/ Sample in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 01 / 06 / 2026
Thời gian phân tích/Time of analysis : 01 / 06 / 2026 - 10 / 06 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 10 / 06 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Fructose	55.7	% chất khô		HD.TN.384 (Ref.DIN 10758)
Hàm lượng Fructose & Dextrose	95.9	% chất khô		HD.TN.384 (Ref.DIN 10758)
Hàm lượng chất rắn (Solid content) (Sấy chân không ở 70°C)	77.1	g/100g		HD.TN.047:2017 (*)
Sulfur dioxide (SO_2)	KPH/ N.D	mg/kg	1	TCVN 6329:2008

Ghi chú / Note:
KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.
(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

VILAS 357

BN: 260601063

Trang/ Page: 1 / 1

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP**
Client name : **GLOBAL INGREDIENT GROUP CORPORATION**
Địa chỉ : B1.02 và B1.20 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : B1.02 and B1.20, Sunrise Cityview Building, No. 33 Nguyen Huu Tho, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 260601063
Tên mẫu / Name of Sample : **Đường Bắp**
Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Xuất xứ: Trung Quốc (China)
Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group
Chiết rót và đóng gói tại: Công ty TNHH Kinh Lâm
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa/ Sample in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 01 / 06 / 2026
Thời gian phân tích/Time of analysis : 01 / 06 / 2026 - 10 / 06 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 10 / 06 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Tổng số nấm men (Yeast)	<1	CFU/10g		ICUMSA (2017) GS2-3-47(2015)
Tổng số nấm mốc (Molds)	<1	CFU/10g		ICUMSA (2017) GS2-3-47(2015)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts)	<1	CFU/10g		ICUMSA (2017) GS2-3-41(2011)

Ghi chú / Note:
KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.
(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)
Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10g (<1 CFU/10g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa
According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10g (<1 CFU/10g) when the dish contains no colony

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HOÀN VŨ

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

VILAS 357

BN: 260601063

Trang/ Page: 1 / 1

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP**
Client name : **GLOBAL INGREDIENT GROUP CORPORATION**
Địa chỉ : B1.02 và B1.20 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : B1.02 and B1.20, Sunrise Cityview Building, No. 33 Nguyen Huu Tho, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 260601063
Tên mẫu / Name of Sample : **Đường Bắp**
Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Xuất xứ: Trung Quốc (China)
Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group
Chiết rót và đóng gói tại: Công ty TNHH Kinh Lâm
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa/ Sample in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 01 / 06 / 2026
Thời gian phân tích/Time of analysis : 01 / 06 / 2026 - 10 / 06 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 10 / 06 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
As (Arsen tổng) (Total Arsenic)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Cd (Cadimi) (Cadmium)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Hg (Thủy ngân) (Mercury)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Pb (Chì) (Lead)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01)(ICP/MS) (*)

Ghi chú / Note:
KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.
(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HOÀN VŨ
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CÔNG NGHỆ CAO
HOAN VU SCIENTIFIC TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY
HIGH - TECH ANALYTICAL CENTER
www.hoanvustc.com.vn

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

VILAS 357

BN: 260601063

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP**
Client name : **GLOBAL INGREDIENT GROUP CORPORATION**
Địa chỉ : B1.02 và B1.20 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : B1.02 and B1.20, Sunrise Cityview Building, No. 33 Nguyen Huu Tho, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 260601063
Tên mẫu / Name of Sample : **Đường Bắp**
Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Xuất xứ: Trung Quốc (China)
Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group
Chiết rót và đóng gói tại: Công ty TNHH Kinh Lâm
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa/ Sample in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 01 / 06 / 2026
Thời gian phân tích/Time of analysis : 01 / 06 / 2026 - 10 / 06 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 10 / 06 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aflatoxin B1	KPH/ N.D	µg/kg	0.15	HD.TN.007:2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Aflatoxin tổng số (B1,B2,G1,G2)	KPH/ N.D	µg/kg	0.15 mỗi chất	HD.TN.007: 2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Deoxynivalenol	KPH/ N.D	µg/kg	30	HD.TN.338:2022 (Ref. BS EN 17194: 2019) (*)
Fumonisin tổng (B1, B2)	KPH/ N.D	µg/kg	15 mỗi chất	HD.TN.340:2022 (Ref. Anal Bioanal Chem (2010) 397:765-776) (*)
Ochratoxin A	KPH/ N.D	µg/kg	0.6	HD.TN.075:2023 (Ref. AOAC 2000.09) (*)
Zearalenone	KPH/ N.D	µg/kg	5	HD.TN.339:2022 (Ref. AOAC 985.18) (*)

Ghi chú / Note:
KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.
(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HOÀN VŨ
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CÔNG NGHỆ CAO
HOAN VU SCIENTIFIC TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY
HIGH - TECH ANALYTICAL CENTER
www.hoanvustc.com.vn

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

VILAS 357

BN: 260601063

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL INGREDIENT GROUP**
Client name : **GLOBAL INGREDIENT GROUP CORPORATION**
Địa chỉ : B1.02 và B1.20 Tòa nhà Sunrise Cityview, số 33 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : B1.02 and B1.20, Sunrise Cityview Building, No. 33 Nguyen Huu Tho, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 260601063
Tên mẫu / Name of Sample : **Đường Bắp**
Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Xuất xứ: Trung Quốc (China)
Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group
Chiết rót và đóng gói tại: Công ty TNHH Kinh Lâm
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa/ Sample in plastic bottle
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food
Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 01 / 06 / 2026
Thời gian phân tích/Time of analysis : 01 / 06 / 2026 - 10 / 06 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 10 / 06 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Carbohydrate (Không bao gồm Xơ)	76.7	g/100g		Calculated Value (FAO,Food&Nutrition P. 77,2003)
Chất béo (Total Fat)	KPH/ N.D	g/100g	0.05	HD.TN.023: 2017 (Ref. AOAC 996.06) (*)
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	KPH/ N.D	g/100g	0.015	HD.TN.257:2025 (Ref. AOAC 996.06) (*)
Chất đạm (Protein) (N*6.25)	KPH/ N.D	g/100g	0.05	HD.TN.038:2021 (Ref. AOAC 928.08) (*)
Na (Natri) (Sodium)	KPH/ N.D	mg/100g	1.5	HD.TN.226:2017 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 993.14) (*)
Năng lượng (Energy)	308	Kcal/100g		Calculated Value (FAO,Food&Nutrition P. 77,2003) - TT29
Sugars Total (Glucose, Fructose, Sucrose, Maltose, Lactose)	73.9	g/100g		HD.TN.384 (Ref.DIN 10758)

Ghi chú / Note:
KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.
(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

Mã số mẫu / Sample ID: 260601063
BN: 260601063
Trang / Page: 1 / 1

ANALYTICAL RESULTS

Tên mẫu / Sample name: Đường Bắp
Nhà sản xuất: Cargill Bio-Chemical Co., Ltd
Xuất xứ: Trung Quốc (China)
Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Global Ingredient Group
Chiết rót và đóng gói tại: Công ty TNHH Kinh Lâm

M.S.D.N:0304932124-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HOÀN VŨ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	308	Kcal	15.4
Chất béo (Total fat)	0	g	0
Chất béo bão hòa (Saturated fat)	0	g	0
Carbohydrat (Carbohydrate)	76.7	g	23.6
Đường tổng số (Total Sugars)	73.9	g	-
Chất đạm (Protein)	0	g	0
Natri (Sodium)	0	mg	0

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values-NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng

Bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo đối với mẫu thử trên
The nutrition facts are provided only as a reference for the sample encoded above

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.